

Số : 651 /QĐ-CTSV

Cần Thơ, ngày 10 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc biểu dương sinh viên

TRƯỞNG PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

Căn cứ khoản f Mục 1 Quy định các hình thức khen thưởng và xử lý kỷ luật sinh viên ở ký túc xá ngày 23 tháng 7 năm 1999 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về Ủy quyền cho Trưởng phòng Công tác Sinh viên đối với công tác khen thưởng sinh viên nội trú;

Căn cứ Thông tư số 27/2009/TT-BGDĐT, ngày 19/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế ngoại trú của học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy;

Căn cứ Thông tư số 27/2011/TT-BGDĐT, ngày 27/06/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú tại cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Xét thành tích hoạt động của sinh viên và đề nghị của cán bộ quản lý,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay Biểu dương **144** sinh viên có tên sau đây đạt thành tích tốt trong phong trào hoạt động tự quản của sinh viên nội, ngoại trú học kỳ I, năm học 2019- 2020:

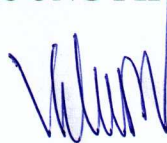
(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) cán bộ quản lý sinh viên nội trú và các sinh viên có tên trong Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Các đơn vị trong trường "để phối hợp";
- Lưu HSSV, CTSV.

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thanh Tường

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC BIỂU DƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số: 651 /QĐ-CTSV, ngày 10 tháng 12 năm 2019)

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Đơn vị
1	B1608615	Huỳnh Quốc Bảo	CA16X5A2	Viện NCPT ĐBSCL
2	B1803938	Trần Văn Rô Ne	DA1866A3	Viện NC&PT CNSH
3	B1606864	Lê Hứa Mỹ Ý	DI16V7A1	Công nghệ TT & TT
4	B1606911	Trần Lê Nhật Minh	DI16V7A2	Công nghệ TT & TT
5	B1611131	Triệu Tiểu Vân	DI16Z6A1	Công nghệ TT & TT
6	B1704685	Lê Thị Hải Oanh	DI1795A2	Công nghệ TT & TT
7	B1706528	Nguyễn Trung Thành	DI17V7F2	Công nghệ TT & TT
8	B1706562	Nguyễn Trần Nhật Bằng	DI17V7A2	Công nghệ TT & TT
9	B1706590	Trần Huỳnh	DI17V7A6	Công nghệ TT & TT
10	B1706677	Đặng Văn Chức	DI17Y1A1	Công nghệ TT & TT
11	B1709317	Huỳnh Kim Trọng	DI17Y9A1	Công nghệ TT & TT
12	B1809192	Nguyễn Duy Tiên	DI18V7A1	Công nghệ TT & TT
13	B1809674	Đỗ Bội Anh	DI18V7F2	Công nghệ TT & TT
14	B1906794	Dương Nhật Trường	DI1996A5	Công nghệ TT & TT
15	B1606165	Huỳnh Thị Nga	FL16V1A1	Ngoại ngữ
16	B1705890	Nguyễn Hoàng Tâm	FL17V1A1	Ngoại ngữ
17	B1705905	Nguyễn Thuý Vi	FL17V1A1	Ngoại ngữ
18	B1909013	Nguyễn Thị Cẩm Tươi	FL19V1A1	Ngoại ngữ
19	B1702334	Nguyễn Phi Loan	HG1763A1	Phát triển Nông thôn
20	B1809579	Bạch Văn Thanh Huy	HG18V7A1	Phát triển Nông thôn
21	B1812821	Lê Thị Ngọc Trân	HG18V7A2	Phát triển Nông thôn
22	B1902211	Lê Thùy Trang	HG1922A2	Phát triển Nông thôn
23	B1902478	Nguyễn Hoàng Lâm	HG1923A1	Phát triển Nông thôn
24	B1505926	Nguyễn Hoài Ân	KH15U1A1	Khoa học Tự nhiên
25	B1605506	Lâm Tuyết Kha	KH16U1A1	Khoa học Tự nhiên
26	B1906286	Nguyễn Hiếu Nghĩa	KH1994A1	Khoa học Tự nhiên
27	B1907319	La Thảo My	KH19T3A1	Khoa học Tự nhiên
28	B1603068	Nguyễn Diễm My	KT1645A1	Kinh tế
29	B1607613	Nguyễn Thị Lan Nhi	KT16W3A2	Kinh tế
30	B1607666	Lê Thị Trúc Ly	KT16W4A1	Kinh tế
31	B1701548	Bùi Lê Anh Thư	KT1722A2	Kinh tế
32	B1701756	Nguyễn Ngọc Thúy Ngân	KT1723A2	Kinh tế
33	B1702523	Dương Thị Hồng Nghi	KT1745A1	Kinh tế
34	B1707184	Trần Thị Phúc Châu	KT17W1A1	Kinh tế
35	B1707288	Huỳnh Ngọc Phấn	KT17W1A2	Kinh tế
36	B1707307	Trần Trần	KT17W1A2	Kinh tế
37	B1707679	Nguyễn Tấn Lợi	KT17W4F3	Kinh tế
38	B1707696	Mai Văn Nước	KT17W4A2	Kinh tế
39	B1801405	Nguyễn Phạm Hải Yên	KT1820A2	Kinh tế
40	B1801784	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	KT1822A3	Kinh tế
41	B1810011	Trần Huỳnh Mỹ	KT18W1A1	Kinh tế
42	B1810056	Huỳnh Kim Vy	KT18W1A1	Kinh tế
43	B1810064	Nguyễn Thị Huế Anh	KT18W1A2	Kinh tế
44	B1810251	Đinh Thị Tiểu Yên	KT18W2A1	Kinh tế
45	B1810409	Đinh Thị Kim Thùy	KT18W3A1	Kinh tế
46	B1810479	Huỳnh Hữu Thành	KT18W3A2	Kinh tế
47	B1901504	Lưu Kim Lan	KT1920A1	Kinh tế

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Đơn vị
48	B1901776	Tô Tuyết Linh	KT1921A2	Kinh tế
49	B1902033	Đoàn Phượng Nhi	KT1922A2	Kinh tế
50	B1903338	Phạm Thị Ngọc Mai	KT1945A2	Kinh tế
51	B1910948	Nguyễn Quốc Tấn	KT19W1A1	Kinh tế
52	B1911091	Đặng Thị Trúc Mai	KT19W2A1	Kinh tế
53	B1911617	Nguyễn Kim Ánh	KT19W4F2	Kinh tế
54	B1911647	Lê Phạm Quang Huy	KT19W4F2	Kinh tế
55	B1602184	Nguyễn Thị Nhẹ	LK1664A1	Luật
56	B1602399	Chau Chanh Thon	LK1665A3	Luật
57	B1702067	Lê Trung Mỹ Kim	LK1763A2	Luật
58	B1802500	Huỳnh Thảo Uyên	LK1864A1	Luật
59	B1802622	Mã Khánh Dương	LK1865A1	Luật
60	B1900309	Thạch Minh Hiền	LK1963A2	Luật
61	B1902916	Huỳnh Thái Phương	LK1963A2	Luật
62	B1902937	Huỳnh Minh Trang	LK1964A2	Luật
63	C1700125	Trần Vũ Luân	LK1764A2	Luật
64	B1605635	Lê Thị Thuý Huỳnh	ML16U3A1	Khoa học Chính trị
65	B1607239	Lê Thị Trúc Linh	ML16V9A1	Khoa học Chính trị
66	B1705466	Dương Trường Thi	ML17U3A1	Khoa học Chính trị
67	B1809935	Nguyễn Văn Khang	ML18V9A2	Khoa học Chính trị
68	B1602076	Phạm Thị Chinh	MT1625A2	Môi trường & TNTN
69	B1602090	Phùng Thảo Hưng	MT1625A2	Môi trường & TNTN
70	B1602132	Nguyễn Thị Yên	MT1625A2	Môi trường & TNTN
71	B1606503	Phan Thanh Sang	MT16V4A1	Môi trường & TNTN
72	B1702375	Nguyễn Ngọc Hân	MT1738A1	Môi trường & TNTN
73	B1702427	Huỳnh Trần Lan Vi	MT1738A1	Môi trường & TNTN
74	B1702921	Lê Phước Lộc	MT1757A1	Môi trường & TNTN
75	B1803089	Châu Phạm Thanh Thụy	MT1838A2	Môi trường & TNTN
76	B1812583	Lê Anh Thư	MT1838A1	Môi trường & TNTN
77	B1504541	Trần Thị Kim Ngân	NN1567A1	Nông nghiệp
78	B1609006	Trần Thị Tường Vi	NN16X8A1	Nông nghiệp
79	B1609010	Võ Thị Hồng An	NN16X9A1	Nông nghiệp
80	B1609024	Huỳnh Minh Đoan	NN16X9A1	Nông nghiệp
81	B1610729	Lê Trung Tín	NN16V8A1	Nông nghiệp
82	B1700121	Hà Thị Thiên Kiều	NN1708A1	Nông nghiệp
83	B1703617	Trần Phát Lợi	NN1767A2	Nông nghiệp
84	B1703627	Hồ Văn Ngà	NN1767A2	Nông nghiệp
85	B1705727	Nguyễn Duy Tân	NN17U5A1	Nông nghiệp
86	B1800400	Nguyễn Thị Bảo Trân	NN1808A3	Nông nghiệp
87	B1801134	Trịnh Phương Nhi	NN1819A1	Nông nghiệp
88	B1801157	Võ Thị Thanh Xuân	NN1819A1	Nông nghiệp
89	B1804620	Trần Thị Thu Thảo	NN1873A2	Nông nghiệp
90	B1900652	Lê Thúy Vi	NN1908A5	Nông nghiệp
91	B1901417	Bùi Thị Mộng Tiên	NN1919A1	Nông nghiệp
92	B1904938	Nguyễn Khắc Minh Trí	NN1967A3	Nông nghiệp
93	B1905146	Cao Thị Thùy Trang	NN1973A1	Nông nghiệp
94	B1905170	Nguyễn Minh Đạt	NN1973A2	Nông nghiệp
95	B1600135	Trương Hoàng Vũ	SP1602A1	Sư phạm
96	B1600428	Đinh Đoàn Kim Châu	SP1610A1	Sư phạm
97	B1700014	Nguyễn Ngọc Đăng Duy	SP1701A1	Sư phạm

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Đơn vị
98	B1700292	Nguyễn Thị Như Hảo	SP1709A1	Sư phạm
99	B1912490	Nguyễn Thị Kim Ngọc	SP19X3A1	Sư phạm
100	B1603242	Lý Thành Thạo	TN1684A1	Công nghệ
101	B1606757	Đào Thị Bé Thu	TN16V6A2	Công nghệ
102	B1609122	Nguyễn Xuân Phúc	TN16Y5A1	Công nghệ
103	B1609330	Nguyễn Hữu Nhân	TN16Y6A2	Công nghệ
104	B1609348	Lê Minh Thiện	TN16Y6A2	Công nghệ
105	B1702715	Trương Hoàng Giang	TN1793A2	Công nghệ
106	B1702819	Trần Văn Hạng	TN1784A3	Công nghệ
107	B1704220	Trần Thị Nhiều	TN1783A1	Công nghệ
108	B1704925	Đỗ Chí Tâm	TN17T1A1	Công nghệ
109	B1704960	Nguyễn Bảo Duy	TN17T2A1	Công nghệ
110	B1708870	Nguyễn Thanh Hậu	TN17Y5A1	Công nghệ
111	B1708887	Nguyễn Lê Nhựt Linh	TN17Y5A1	Công nghệ
112	B1708930	Lê Minh Duy	TN17Y5A2	Công nghệ
113	B1709501	Đoàn Thanh Như	TN17Z5A2	Công nghệ
114	B1803314	Nguyễn Hoàng Tây	TN1893A1	Công nghệ
115	B1803415	Ngô Như Ngoan	TN1884A2	Công nghệ
116	B1805196	Tô Thị Cẩm Yên	TN1883A3	Công nghệ
117	B1805225	Võ Thị Hồng Khuyên	TN1883A3	Công nghệ
118	B1806314	Đặng Văn Xứng	TN18S3A3	Công nghệ
119	B1806371	Nguyễn Nhựt Phàm	TN18S3A2	Công nghệ
120	B1806458	Huỳnh Tấn Tài	TN18T1A1	Công nghệ
121	B1806697	Lê Văn Hậu	TN18T5A1	Công nghệ
122	B1807013	Phạm Huỳnh Duy Tân	TN18T6A2	Công nghệ
123	B1807239	Nguyễn Tiếng Dũng	TN18T7A2	Công nghệ
124	B1903959	Nguyễn Huỳnh Tứ	TN1984A1	Công nghệ
125	B1905804	Nguyễn Thị Kiều Nhi	TN1983A3	Công nghệ
126	B1907168	Đặng Quốc Phong	TN19S3A2	Công nghệ
127	B1912907	Ông Thanh Đăng	TN19Y8A1	Công nghệ
128	B1913078	Ngô Văn Tèo	TN19Y8A3	Công nghệ
129	C1800428	Danh Hoàng Quý	TN18T7A3	Công nghệ
130	B1604610	Lê Thị Thanh Ngân	TS1676A1	Thủy sản
131	B1604622	Huỳnh Thị Kiều Phương	TS1676A1	Thủy sản
132	B1604723	Nguyễn Thị Phụng	TS1682A1	Thủy sản
133	B1607854	Phạm Thị Ngọc Tuyền	TS16W5A1	Thủy sản
134	B1704027	Huỳnh Trúc Quỳnh	TS1713T1	Thủy sản
135	B1704069	Trần Thảo Linh	TS1782A1	Thủy sản
136	B1804738	Bùi Ngọc Em	TS1876A1	Thủy sản
137	B1804945	Bùi Nguyễn Ngọc Mai	TS1882A1	Thủy sản
138	B1608046	Lê Thị Ánh Nguyệt	XH16W8A1	Khoa học Xã hội và NV
139	B1608057	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	XH16W8A1	Khoa học Xã hội và NV
140	B1807998	Nguyễn Hồng Nho	XH18U4A2	Khoa học Xã hội và NV
141	B1812914	Tô Thị Tuyết Nhung	XH18W7A2	Khoa học Xã hội và NV
142	B1908594	Lê Gia Huy	XH19U4A1	Khoa học Xã hội và NV
143	B1908639	Phan Hồ Bảo Trân	XH19U4A1	Khoa học Xã hội và NV
144	B1911915	Nguyễn Phúc Khang	XH19W7A2	Khoa học Xã hội và NV

Danh sách gồm có **144** sinh viên

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

